

BIXOFEN 60

(AL-PVC Hộp 1 vỉ x 10 viên)
Box: 77 x 57 x 12 mm
Label: 72 x 52 mm

SĐK/Visa:

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 05/7/2018

Bixofen

Fexofenadin hydroclorid

60 mg

BV PHARMA

Thuốc uống

Hộp 1 vỉ x 10 viên nén bao phim

THÀNH PHẦN: Fexofenadin hydroclorid 60 mg và các tá dược vừa đủ 1 viên nén bao phim.
CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Đọc tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
BẢO QUẢN: Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

WHO - GMP

Nhà sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA
Ấp 2, Xã Tân Thành Tây, Huyện Củ Chi, TP.HCM.

Bixofen

Fexofenadine hydrochloride

60 mg

BV PHARMA

Oral route

Box of 1 blister x 10 film-coated tablets

Số lô SX/Lot No.:
NSX/Mfd:
HD/Exp:

COMPOSITION: Fexofenadine hydrochloride 60 mg and excipients sq. for 1 film-coated tablets.
INDICATION, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION: Refer to package insert.
STORAGE: Temperature not exceeding 30°C, protect from light and humidity.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.

WHO - GMP

Manufacturer: BV PHARMA JOINT STOCK COMPANY
Hamlet 2, Tân Thành Tây Village, Củ Chi District, HCMC.



Handwritten signature

BIXOFEN 60
(Hộp 1 vỉ x 10 viên)
Box: 126 x 50 x 17 mm
Label: 122 x 47 mm



THÀNH PHẦN: Fexofenadin hydroclorid 60 mg và các tá dược vừa đủ 1 viên nén bao phim.
CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:
Đọc tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
BẢO QUẢN: Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.
ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

WHO - GMP

SDK/Visa:
Nhà sản xuất: **CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA**
Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi TP. HCM.



COMPOSITION: Fexofenadine hydrochloride 60 mg and excipients sq. for 1 film-coated tablets
INDICATION, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION:
Refer to package insert.
STORAGE: Temperature not exceeding 30°C, protect from light and humidity.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.

WHO - GMP

Manufacturer: **BV PHARMA JOINT STOCK COMPANY**
Hamlet 2, Tân Thạnh Tây Village, Củ Chi District, HCMC.



Handwritten signature

BIXOFEN 60
 (AL-PVC Hộp 2 vỉ x 10 viên)
 Box: 77 x 57 x 18 mm
 Lable: 72 x 52 mm



Handwritten signature

BIXOFEN 60
(Hộp 2 vỉ x 10 viên - AL_AL)
Box: 126 x 50 x 20 mm
Label: 122 x 47 mm



THÀNH PHẦN: Fexofenadin hydroclorid 60 mg và các tá dược vừa đủ 1 viên nén bao phim.
CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:
Đọc tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
BẢO QUẢN: Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

WHO - GMP

SDK/Visa:
Nhà sản xuất: **CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA**
Ấp 2, Xã Tân Thành Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM.



COMPOSITION: Fexofenadine hydrochloride 60 mg and excipients sq. for 1 film-coated tablets
INDICATION, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION:
Refer to package insert.
STORAGE: Temperature not exceeding 30°C, protect from light and humidity.
REPHASE OF REACH OF CHILDREN.
READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.

WHO - GMP

Manufacturer: **BV PHARMA JOINT STOCK COMPANY**
Hamlet 2, Tân Thành Tây Village, Củ Chi District, HCMC.



Tru



BIXOFEN 60

(AL-AL-5 vỉ x 10 viên)

Box: 126 x 75 x 35 mm

Lable: 122 x 47 mm

Bixofen
Fexofenadin hydroclorid 60 mg

Bixofen

Fexofenadine hydrochloride
60 mg



Oral route

Box of 5 blister x 10 film-coated tablets

THÀNH PHẦN: Fexofenadin hydroclorid 60 mg và các tá dược vừa đủ 1 viên nén bao phim.

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Đọc tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

BẢO QUẢN: Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

WHO - GMP

Nhà sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA

Ấp 2, Xã Tân Thành Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM.

Bixofen

Fexofenadin hydroclorid
60 mg



Thuốc uống

Hộp 5 vỉ x 10 viên nén bao phim

SBN/Viss

Số lô SX/Lot No.:

NSX/MD:

HD/Exp:

COMPOSITION: Fexofenadine hydrochloride 60 mg and excipients sq. for 1 film-coated tablets

INDICATION, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION:

Refer to package insert.

STORAGE: Temperature not exceeding 30°C, protect from light and humidity.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.

READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.

WHO - GMP

Manufacturer:

BV PHARMA JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 2, Tân Thành Tây Village, Cu Chi District, HCMC.



Handwritten signature

Box: 48 x 80 x 48 mm
Lable: 130 x 34 mm

Bixofen
Fexofenadin hydroclorid
60 mg

**READ PACKAGE INSERT CAREFULLY
BEFORE USE.**

Bixofen
Fexofenadine hydrochloride
60 mg

WHO-GMP

WHO-GMP



Hộp 1 Chai
50 viên nén bao phim

Manufacturer:
BV PHARMA JOINT STOCK COMPANY
Hamlet 2, Tan Thanh Tay Village, Cu Chi District,
HCMC



Box of 1 bottle of
50 film-coated tablets

SDK/Visa:

Số lô SX/Lot No.:

NSX/Mfd:

HD/Exp:

THÀNH PHẦN: Fexofenadin hydroclorid 60 mg và các tá dược vừa đủ 1 viên nén bao phim.

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:
 Đọc tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

BẢO QUẢN: Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Số lô SX/Lot No.:

HD/Exp:

Nhà sản xuất: **CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA**

Ấp 2, Xã Tân Thành Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM.

Bixofen
Fexofenadine hydrochloride
60 mg

COMPOSITION: Fexofenadine hydrochloride 60 mg and excipients sq. for 1 film-coated caplet.

INDICATION, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION:

Refer to package insert.

STORAGE: Temperature not exceeding 30°C, protect from light and humidity.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.

READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.

WHO-GMP

Thuốc uống



Chai
50 viên nén bao phim

BIXOFEN 60

Fexofenadin hydroclorid 60 mg

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO BỆNH NHÂN

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM.

THÔNG BÁO NGAY CHO BÁC SĨ HOẶC ĐƯỢC SĨ NHỮNG TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC.

THÀNH PHẦN: Fexofenadin hydroclorid 60 mg và các tá dược gồm: Cellulose vi tinh thể 101, tinh bột hồ hoá, povidon K30, croscarmellose natri, magnesi stearat, hydroxypropyl methylcellulose 6cPs, polyethylen glycol 400, talc, titan dioxyd, sắt oxyd đỏ, màu quinolin yellow lake vừa đủ 1 viên nén bao phim.

MÔ TẢ SẢN PHẨM: Thuốc được sản xuất ở dạng viên nén bao phim (viên nén dài bao phim màu hồng, một mặt có số 60, một mặt trơn).

QUI CÁCH ĐÓNG GÓI:

- Hộp 1 vi, 2 vi hoặc 5 vi x 10 viên (vi nhôm – nhôm hoặc nhôm – PVC).
- Hộp 1 chai 50 viên (chai nhựa HDPE).

THUỐC NÀY DÙNG CHO BỆNH GÌ ?

Thuốc này được dùng để:

- Làm giảm các triệu chứng liên quan đến viêm mũi dị ứng theo mùa cho người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên.
- Điều trị các biểu hiện ngoài da nổi mề đay mạn tính vô căn cho người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên.

NÊN DÙNG THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO VÀ LIỀU LƯỢNG ?

Liều lượng:

- Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Uống mỗi lần 60 mg, 2 lần mỗi ngày hoặc 180 mg, 1 lần mỗi ngày.

Người già và người suy thận:

- Người già, người lớn và trẻ em trên 12 tuổi bị suy thận: Liều khởi đầu là 60 mg, 1 lần mỗi ngày, điều chỉnh liều tùy theo chức năng thận.

Cách dùng:

Thuốc dùng qua đường uống không phụ thuộc bữa ăn. Không uống với nước hoa quả.

KHI NÀO KHÔNG NÊN DÙNG THUỐC NÀY ?

Quá mẫn cảm với fexofenadin hay với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

- Các tác dụng phụ thường gặp: Buồn ngủ, mệt mỏi, đau đầu, mất ngủ, chóng mặt. Buồn nôn, khó tiêu. Dễ bị nhiễm virus (cảm, cúm), đau bụng trong kỳ kinh nguyệt, dễ bị nhiễm khuẩn hô hấp trên, ngứa họng, ho, sốt, viêm tai giữa, viêm xoang, đau lưng.
- Các tác dụng phụ ít gặp: Sợ hãi, rối loạn giấc ngủ, ác mộng. Khô miệng, đau bụng.
- Các tác dụng phụ hiếm gặp: Ban, mày đay, ngứa. Phản ứng quá mẫn: Phù mạch, tức ngực, khó thở, đỏ bừng, choáng phản vệ.

NÊN TRÁNH DÙNG NHỮNG THUỐC HOẶC THỰC PHẨM GÌ KHI ĐANG SỬ DỤNG THUỐC NÀY?

- Nên tránh dùng chung với nước hoa quả (cam, bưởi, táo) có thể làm giảm sinh khả dụng của thuốc đến 36%. Tránh dùng fexofenadin với rượu vì làm tăng nguy cơ an thần (ngủ).
- Không dùng kết hợp với các loại thuốc liệt kê sau vì có thể gây tương tác: Erythromycin, ketoconazol, verapamil, các thuốc kháng acid chứa nhôm hay magnesi, các chất an thần hệ thần kinh trung ương, các chất kháng cholinergic, các chất ức chế acetylcholin - esterase (ở thần kinh trung ương), amphetamin, các chất kháng acid, rifampin.

CẦN LÀM GÌ KHI MỘT LẦN QUÊN KHÔNG DÙNG THUỐC ?

Nếu quên một lần không dùng thuốc thì uống bù ngay một liều thuốc khi bạn nhớ ra, ngoại trừ lúc đó đã sát gần thời điểm phải uống liều thuốc tiếp theo. Không được uống 2 liều thuốc cùng một lúc. Các liều thuốc còn lại nên uống cho đúng giờ.

NHỮNG DẤU HIỆU VÀ TRIỆU CHỨNG KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU.

Thông tin về độc tính của fexofenadin còn hạn chế. Tuy nhiên, buồn ngủ, chóng mặt, khô miệng đã được báo cáo.

CẦN LÀM GÌ KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU KHUYẾN CÁO ?

Nếu như lỡ dùng thuốc quá liều cần báo cáo ngay với bác sĩ của bạn hay đưa đến cơ sở y tế gần nhất để được xử trí thích hợp.

NHỮNG ĐIỀU CẦN THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC NÀY

- Dùng thuốc thận trọng và điều chỉnh liều thích hợp cho người suy thận, người cao tuổi (trên 65 tuổi) thường có suy giảm chức năng thận.
- Tính an toàn và liều dùng cho trẻ em dưới 6 tháng tuổi chưa xác định được.
- Cần ngưng thuốc ít nhất từ 24 – 48 giờ trước khi tiến hành các thử nghiệm kháng nguyên tiêm trong da.
- Thuốc có thể làm nặng thêm bệnh vẩy nến.
- Nên dùng cách xa ít nhất 2 giờ đối với các thuốc kháng acid có chứa nhôm hay magesi hydroxyd.

Phụ nữ có thai hoặc cho con bú:

- Chỉ dùng thuốc cho phụ nữ mang thai khi lợi ích cho người mẹ vượt trội hơn nguy cơ đối với thai nhi.
- Chưa rõ thuốc có bài tiết qua sữa mẹ hay không, vì vậy cần thận trọng khi dùng thuốc cho phụ nữ đang cho con bú.

Ảnh hưởng trên người lái xe hoặc vận hành máy móc

- Tuy thuốc ít gây buồn ngủ, nhưng vẫn cần thận trọng khi dùng thuốc cho người lái xe hoặc vận hành máy móc.

KHI NÀO CẦN THAM VẤN BÁC SĨ ?

Khi bạn có điều chi thắc mắc hoặc cần biết thêm thông tin, đừng ngần ngại hỏi ngay ý kiến của bác sĩ.

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN CỦA BÁC SĨ HOẶC DƯỢC SĨ.

CẦN BẢO QUẢN THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO ?

Thuốc này cần được bảo quản nơi nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.

HẠN DÙNG CỦA THUỐC: 48 tháng kể từ ngày sản xuất.

NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA

Địa chỉ: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM.

NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT LẠI NỘI DUNG TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC: / / 2017

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO CÁN BỘ Y TẾ

DƯỢC LỰC HỌC: Mã ATC: R06A X26, Nhóm thuốc: Thuốc kháng histamin thế hệ 2, đối kháng thụ thể H₁.

Fexofenadin là chất chuyển hoá của Terfenadin, là một chất kháng histamin thế hệ mới.

Fexofenadin là thuốc kháng histamin thế hệ hai, có tác dụng đối kháng đặc hiệu và chọn lọc trên thụ thể H₁ ngoại vi. Thuốc là một chất chuyển hoá có hoạt tính của terfenadin, cũng cạnh tranh với histamin tại các thụ thể H₁ của đường tiêu hóa, mạch máu và đường hô hấp, nhưng không còn độc tính với tim do không ức chế kênh kali liên quan đến sự tái cực tế bào cơ tim. Fexofenadin không có tác dụng đáng kể đối kháng acetylcholin, đối kháng dopamin và không có tác dụng ức chế các thụ thể alpha₁ hoặc beta – adrenergic. Ở liều điều trị thuốc không gây ngủ hay ảnh hưởng đến thần kinh trung ương. Thuốc có tác dụng nhanh và kéo dài do thuốc gắn chặt vào thụ thể H₁, tạo thành phức hợp bền vững và tách ra chậm.

DƯỢC ĐỘNG HỌC: Fexofenadin được hấp thu tốt qua đường uống và bắt đầu phát huy tác dụng sau khi uống 60 phút.

Nồng độ đỉnh trong máu đạt được sau 2 - 3 giờ, thức ăn giàu chất béo làm giảm nồng độ đỉnh trong huyết tương khoảng 17% và kéo dài thời gian đạt nồng độ đỉnh của thuốc (đến khoảng 4 giờ). Tác dụng kháng histamin kéo dài hơn 12 giờ.

Tỷ lệ gắn kết với protein huyết tương là 60 – 70%, chủ yếu với albumin và alpha acid glycoprotein. Không rõ thuốc có qua nhau thai hoặc bài tiết vào sữa mẹ hay không, nhưng khi dùng terfenadin đã phát hiện được fexofenadin là chất chuyển hoá của terfenadin trong sữa mẹ. Fexonadin không qua hàng rào máu não. Fexonadin rất ít bị chuyển hóa (khoảng 5% chủ yếu ở niêm mạc ruột. Chỉ có khoảng 0,5% - 1,5% được chuyển hóa ở gan nhờ hệ enzym cytochrom P450 thành chất không có hoạt tính). Khoảng 3,5% liều dùng chuyển hóa qua phase II (không liên quan enzym cytochrom P450) thành dẫn chất methyl ester. Chất chuyển hóa này chỉ thấy ở trong phân nên có thể có sự tham gia của các vi khuẩn đường ruột vào chuyển hóa này. Nửa đời thải trừ khoảng 14,4 giờ, kéo dài hơn (31 -72%) ở người suy thận. Thuốc thải trừ chủ yếu qua phân (xấp xỉ 80%) và nước tiểu (11 – 12%) dưới dạng không đổi.

Ở người suy thận:

Cler 41 -80 ml/phút: Nồng độ đỉnh cao hơn 87%, nửa đời thải trừ dài hơn 59%.

Cler 11 -40 ml/phút: Nồng độ đỉnh cao hơn 111%, nửa đời thải trừ dài hơn 72%.

Cler ≤ 10 ml/phút (ở người đang thẩm phân): Nồng độ đỉnh cao hơn 82%, nửa đời thải trừ dài hơn 31% so với người khỏe mạnh. Loại bỏ thuốc bằng thẩm phân máu không hiệu quả.

CHỈ ĐỊNH ĐIỀU TRỊ:

- Làm giảm các triệu chứng liên quan đến viêm mũi dị ứng theo mùa cho người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên.
- Điều trị các biểu hiện ngoài da nổi mề đay mạn tính vô căn cho người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Liều lượng:

- Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Uống mỗi lần 60 mg, 2 lần mỗi ngày hoặc 180 mg, 1 lần mỗi ngày.

Người già và người suy thận:

- Người già, người lớn và trẻ em trên 12 tuổi bị suy thận: Liều khởi đầu là 60 mg, 1 lần mỗi ngày, điều chỉnh liều tùy theo chức năng thận.

Cách dùng:

Thuốc dùng qua đường uống không phụ thuộc bữa ăn. Không uống với nước hoa quả.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn cảm với fexofenadin hay với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI SỬ DỤNG:

- Tuy thuốc ít gây buồn ngủ, nhưng vẫn cần thận trọng khi lái xe hoặc vận hành máy móc đòi hỏi phải tỉnh táo.
- Cần thận trọng và điều chỉnh liều thích hợp cho người có chức năng thận suy giảm vì nồng độ trong huyết tương tăng do nửa đời thải trừ kéo dài. Cần thận trọng khi dùng cho người cao tuổi (trên 65 tuổi) thường có suy giảm chức năng thận.
- Tính an toàn và liều dùng cho trẻ em dưới 6 tháng tuổi chưa xác định được.
- Cần ngưng thuốc ít nhất từ 24 – 48 giờ trước khi tiến hành các thử nghiệm kháng nguyên tiêm trong da.
- Thuốc có thể làm nặng thêm bệnh vẩy nến.
- Nên dùng cách xa ít nhất 2 giờ đối với các thuốc kháng acid có chứa nhôm hay magesi hydroxyd.

TRƯỜNG HỢP CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

- Do chưa có nghiên cứu đầy đủ trên phụ nữ mang thai, nên chỉ dùng thuốc cho phụ nữ mang thai khi lợi ích cho người mẹ vượt trội hơn nguy cơ đối với thai nhi.
- Do chưa có nghiên cứu đầy đủ trên phụ nữ cho con bú. Vì nhiều loại thuốc được bài tiết qua sữa mẹ nên cần thận trọng khi dùng thuốc cho phụ nữ đang cho con bú.

TÁC DỤNG ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Tuy thuốc ít gây buồn ngủ, nhưng vẫn cần thận trọng khi dùng thuốc cho người lái xe hoặc vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC KHÁC

- Erythromycin và ketoconazol làm tăng nồng độ fexofenadin trong huyết tương nhưng không làm thay đổi khoảng Q-T.
- Nồng độ fexofenadin có thể bị tăng do erythromycin, ketoconazol, verapamil, các chất ức chế P – glycoprotein.
- Không dùng đồng thời fexofenadin với các thuốc kháng acid chứa nhôm hay magesi vì sẽ làm giảm sự hấp thu fexofenadin.
- Fexofenadin có thể làm tăng nồng độ cồn, các chất an thần hệ thần kinh trung ương, các chất kháng cholinergic.
- Fexofenadin có thể làm giảm nồng độ các chất ức chế acetylcholin-esterase (ở thần kinh trung ương), amphetamin, các chất kháng acid, nước ép hoa bưởi, rifampin.
- Tương kỵ: Nước hoa quả (cam, bưởi, táo) có thể làm giảm sinh khả dụng của fexofenadin đến 36%. Tránh dùng fexofenadin với rượu vì làm tăng nguy cơ an thần (ngủ).

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN :

Các tác dụng phụ sắp xếp theo phân loại và tần suất được liệt kê trong bảng sau:

Phân loại rối loạn	Thường gặp ($\geq 1/100$ - $< 1/10$)	Ít gặp ($\geq 1/1000$ - $< 1/100$)	Hiếm gặp ($\geq 1/10000$ - $< 1/1000$)
Hệ miễn dịch			Phản ứng quá mẫn: Phù mạch, tức ngực, khó thở, đỏ bừng, choáng phản vệ.
Hệ thần kinh	Buồn ngủ, mệt mỏi, đau đầu, mất ngủ, chóng mặt.		
Tâm lý		Sợ hãi, rối loạn giấc ngủ, ác mộng.	
Đường tiêu hóa	Buồn nôn, khó tiêu.	Khô miệng, đau bụng.	
Da và mô dưới da			Ban, mề đay, ngứa.
Khác	Dễ bị nhiễm virus (cúm, cúm), đau bụng trong kỳ kinh nguyệt, dễ bị nhiễm khuẩn hô hấp trên, ngứa họng, ho, sốt, viêm tai giữa, viêm xoang, đau lưng.		

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

- Thông tin về độc tính của fexofenadin còn hạn chế. Tuy nhiên, buồn ngủ, chóng mặt, khô miệng đã được báo cáo.
- Xử trí: Sử dụng các biện pháp thông thường để loại bỏ phần thuốc còn chưa hấp thu ở ống tiêu hóa. Điều trị hỗ trợ và điều trị triệu chứng. Thẩm phân máu làm giảm nồng độ thuốc trong máu không đáng kể (1,7%). Không có thuốc giải độc đặc hiệu.



TU QU CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Anh

(Handwritten signature)